TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 21/7/2022.
"V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1988. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 15/7/2022 nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Vào năm 2017, bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong quá trình chung, bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C có một (01) người con chung tên Trần Thúy H sinh ngày 12/5/2017. Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Lâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: Bà Lâm Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hạnh đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lâm Thị T. Ông và bà Lâm Thị T sống chung vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ông bà sống chung được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đã tự hàn gắn nhưng không thành. Về con chung: Ông bà có một người con chung là cháu Trần Thúy H sinh ngày 12/5/2017. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu của Bà Lâm Thị T thì ông Trần Văn C đồng ý ly hôn; về con chung: Ông Trần Văn C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thúy H sinh ngày 12/5/2017 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Lâm Thị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Lâm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà Lâm Thị T, ông Trần Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông Trần Văn C đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông Trần Văn C vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn C.

[3] Về con chung: Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C thống nhất xác định trong thời chung sống ông bà có một người con chung tên Trần Thúy H sinh ngày 12/5/2017. Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hạnh đến khi thành niên và không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu Trần Thúy H đều do bà Lâm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Trần Thúy H. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu Hạnh, HĐXX quyết định giao cháu Hạnh cho bà Lâm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà Lâm Thị T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C thống nhất xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn C không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn C.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thúy H sinh ngày 12/5/2017 cho bà Lâm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Văn C mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn C thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004608 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy Bà Lâm Thị T đã nộp xong án phí. Ông Trần Văn C không phải chịu án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà